TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 7 - 2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Lâm
2. Ông Điểu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST–HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm: 1984. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước nay là UBND xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân được 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà H thấy mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, bà H và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Trần Yến N - sinh ngày 02/11/2007, Nguyễn Trần Yến S - sinh ngày 28/02/2010. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024 bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân cho đến nay 02 con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Nên bà H thay đổi yêu cầu giải quyết về con chung, giao 02 con chung cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của ông T

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp Hnh đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn T, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phước Long tỉnh Bình Phước nay là UBND xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/10/2005. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; Cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú, xét thấy tuy không xác định được nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và

ông T nhưng trên thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân 02 năm nay, bản thân ông T biết việc bà H xin ly hôn và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giao các con chung cho bị đơn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú và nguyên đơn cũng trình bày từ khi vợ chồng tự sống ly thân cho đến nay, 02 con chung đều do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và tại biên bản từ chối ghi lời khai, ông T không đồng ý cho Toà án ghi lời khai của các con chung, nên không có cơ sở xem xét nguyện vọng của các con chung khi giải quyết ly hôn. Nên, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; giao các con chung Nguyễn Trần Yến N - sinh ngày 02/11/2007, Nguyễn Trần Yến S - sinh ngày 28/02/2010 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không cấp dưỡng nuôi con, ông T từ chối làm việc nên không có ý kiến trình bày của ông T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Ông T có quyền khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Bị đơn bà H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Trần Yến N - sinh ngày 02/11/2007, Nguyễn Trần Yến S - sinh ngày 28/02/2010 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi

Bà Trần Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0003xxx ngày 01/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí bà H đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (số 133, ngày 31/10/2005)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Ngọc Lâm Điểu Phương Nguyễn Trần Ánh Nguyệt